Bảng liệt kê rủi ro (câu 2)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên rủi ro** | **Mô tả / diễn giải** | **Xác suất / tần suất** | **Mức độ ảnh hưởng** | **Giải pháp** |
| 1 | Rủi ro về yêu cầu | Yêu cầu của khách hàng không rõ ràng, thay đổi liên tục hoặc thiếu sót | Cao | Cao, có thể dẫn đến sản phẩm không đáp ứng nhu cầu của khách hàng, rework tốn kém hoặc chậm trễ tiến độ | Thu thập yêu cầu đầy đủ và chi tiết ngay từ đầu, sử dụng tài liệu yêu cầu rõ ràng, thường xuyên trao đổi với khách hàng để cập nhật thay đổi, áp dụng quy trình quản lý thay đổi hiệu quả |
| 2 | Rủi ro về lịch trình | Dự án bị chậm trễ so với kế hoạch ban đầu | Cao | Cao, có thể dẫn đến phát sinh chi phí ảnh hưởng đến uy tín của công ty hoặc khiến khách hàng không hài lòng | Lập kế hoạch dự án chi tiết và thực tế, theo dõi tiến độ dự án sát sao, sử dụng công cụ quản lý dự án hiệu quả, dự phòng thời gian cho những rủi ro tiềm ẩn |
| 3 | Rủi ro về phạm vi | Phạm vi dự án không được xác định rõ ràng hoặc có sự thay đổi sau khi đã khởi động dự án | Cao | Cao, có thể dẫn đến chậm trễ tiến độ | Xác định rõ ràng phạm vi dự án ngay từ đầu, lập tài liệu phạm vi chi tiết, sử dụng quy trình quản lý thay đổi hiệu quả |
| 4 | Rủi ro về công nghệ | Công nghệ sử dụng trong dự án không phù hợp, lỗi thời hoặc gặp vấn đề trong quá trình triển khai | Trung bình | Cao, có thể dẫn đến chậm trễ tiến độ, phát sinh chi phí hoặc ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm | Nghiên cứu kỹ lưỡng các công nghệ trước khi áp dụng, lựa chọn giải pháp công nghệ phù hợp với yêu cầu của dự án, thử nghiệm trước khi triển khai |
| 5 | Rủi ro về nguồn lực | Thiếu hụt nguồn lực nhân sự, tài chính hoặc kỹ thuật để thực hiện dự án | Trung bình | Cao, ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm | Lập kế hoạch nguồn lực dự án chi tiết, dự phòng nguồn lực cho những rủi ro tiềm ẩn, sử dụng nguồn lực hiệu quả |